

Số: 99 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
của Trường Đại học Đồng Tháp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TILT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Đồng Tháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 250/QĐ-ĐHĐT ngày 25/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng và Quyết định số 390a/QĐ-ĐHĐT ngày 09/7/2015 về việc sửa đổi Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Đồng Tháp có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Trường các đơn vị, các tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TĐKT (Liều).



Nguyễn Văn Đệ

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 99 /QĐ-ĐHĐT ngày 29 tháng 02 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm: Hình thức, nội dung, danh hiệu, tiêu chuẩn bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; sử dụng quỹ thi đua khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể; hành vi vi phạm, xử lý vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV); Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục; Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Đồng Tháp và các quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức và người lao động đang làm việc hoặc đang trong thời gian tập sự; người làm hợp đồng không xác định thời hạn và hợp đồng từ 01 năm trở lên.

2. Sinh viên chính quy, học viên cao học đang học tập tại trường.

3. Các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 3. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi tổng kết năm học, tổng kết các cuộc vận động, thi đua theo chuyên đề hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số công chức, viên chức và người lao động hoặc thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị tham dự.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

5. Đối với bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Tỉnh:

a) Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng phải được 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Cuộc họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải có mặt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng.

b) Đơn vị được Khôi bình bầu, suy tôn cờ, bằng khen sẽ được xem xét tỷ lệ cao hơn đơn vị không được Khôi bình bầu, suy tôn cờ, bằng khen để xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cấp Tỉnh. Cụ thể:

- Đơn vị được suy tôn Cờ: Xét đề nghị UBND Tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

- Đơn vị được suy tôn Bằng khen: Xét đề nghị UBND Tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 40% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

- Đơn vị không được suy tôn Cờ hoặc Bằng khen: Xét đề nghị UBND Tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 5. Đăng ký danh hiệu thi đua

1. Các đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân đăng ký thi đua và gửi đăng ký thi đua của tập thể, cá nhân về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng theo thông báo hướng dẫn hàng năm của nhà trường.

2. Thời gian tính bình xét thi đua: Từ ngày 01 tháng 7 năm trước đến ngày 30

tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Hiệu trưởng phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với nhà trường để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia tuyên truyền, động viên công chức, viên chức, người lao động và sinh viên tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và của Quy định này.

Điều 7. Trách nhiệm của bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch hàng năm, tham mưu, đề xuất với Đảng ủy, Lãnh đạo nhà trường về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động công chức, viên chức, người lao động và sinh viên tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) Lao động tiên tiến;

b) Chiến sỹ thi đua cơ sở;

c) Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh,

d) Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;

đ) Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) Tập thể lao động tiên tiến;

- b) Tập thể lao động xuất sắc;
- c) Cờ thi đua cấp Tỉnh;
- d) Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.
- đ) Nếu là đảng viên phải được đánh giá cuối năm là đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (trừ đảng viên nữ nghỉ hậu sản); gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa; là công đoàn viên, đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phải tham gia sinh hoạt đoàn thể theo đúng điều lệ quy định;

e) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; nợ thuế thu nhập cá nhân; đăng ký và đã được xét duyệt thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học nhưng chủ quan không thực hiện hoặc đề tài không được nghiệm thu.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Đối với giảng viên

Tích cực tham gia các phong trào thi đua; thực hiện đủ khối lượng, nội dung kiến thức của môn học theo quy định hiện hành, giảng dạy theo đúng lịch trình của khoa, trường; bài giảng đảm bảo tính chính xác, cập nhật được những thông tin, thành tựu khoa học mới, rèn luyện được kỹ năng phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên; hướng dẫn sinh viên hoàn thành đúng thời hạn tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận, đồ án, luận văn tốt nghiệp.

b) Đối với công chức, viên chức khối hành chính, phục vụ và người lao động

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm, tương trợ đồng nghiệp; tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ; có ý thức cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động.

3. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung

a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; Đánh giá công chức, viên chức sau mỗi học kỳ xếp loại A;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận;

c) Cá nhân đạt một trong các thành tích quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này;

2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Đối với giảng viên: Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới vào giảng dạy nhằm đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy nâng cao hiệu quả đào tạo hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu hoặc có công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế; thực hiện đầy đủ khối lượng, nội dung kiến thức của môn học được phân công giảng dạy; có số giờ giảng dạy cả năm (quy đổi) và số giờ nghiên cứu khoa học (quy đổi) đạt 100% định mức theo quy định đối với từng chức danh giảng viên;

b) Đối với công chức, viên chức khối hành chính, phục vụ và người lao động: Đảm bảo giờ giấc lao động; có sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu quả công tác được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở đánh giá đạt trở lên hoặc tham gia soạn thảo đề án, dự án, quy chế của đơn vị đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền hoặc tham gia các hoạt động khoa học công nghệ và có số giờ nghiên cứu khoa học (quy đổi) đạt 100% định mức theo quy định đối với từng chức danh; chất lượng tác nghiệp cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

c) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và đơn vị do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

3. Nếu công chức, viên chức có đủ một trong các điều kiện sau thì được xét đặc cách đưa vào danh sách bình xét công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”:

a) Điều kiện xét đặc cách “Chiến sỹ thi đua cơ sở” chỉ áp dụng đối với công chức, viên chức hoàn thành nhiệm vụ theo chức danh và có tổng số điểm bài báo công bố (phải từ hoạt động nghiên cứu khoa học của đề tài đã và đang thực hiện trong trường hoặc cùng tham gia ngoài trường) trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN thuộc các nhóm sau:

- Nhóm bài báo thuộc danh mục ISI (gồm SCI, SCIE, ESCI, SSCI và A&HCI): Tổng số điểm các bài báo đạt từ 0.75 điểm trở lên.

- Nhóm bài báo thuộc danh mục SCOPUS (không thuộc danh mục ISI): Tổng số điểm các bài báo đạt từ 1.0 điểm trở lên.

- Nhóm bài báo có điểm số từ 0.75 điểm trở lên (kể cả các bài báo quốc tế thuộc danh mục bài báo chuyên ngành có uy tín ngoài nhóm ISI, SCOPUS): Tổng số điểm các bài báo đạt từ 1.5 điểm trở lên.

- Nhóm bài báo có điểm số từ 0.25 điểm đến 0.5 điểm: Tổng số điểm các bài báo đạt từ 2.0 điểm trở lên.

Nếu một viên chức công bố các bài báo ở nhiều nhóm thì tính tỷ lệ phần trăm số điểm bài báo theo từng nhóm và tổng tỷ lệ phải đạt từ 100% trở lên.

Cách tính tổng số điểm các bài báo bằng cách lấy số điểm của từng bài báo chia cho số tác giả đứng tên trong bài báo.

b) Giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 sinh viên đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

c) Giảng viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi do cấp tỉnh, Bộ tổ chức.

d) Giảng viên đạt giải thưởng công trình tiêu biểu thuộc các chương trình trọng điểm quốc gia.

4. Tỷ lệ “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị, trong đó bảo đảm không quá 1/3 là cán bộ quản lý, nếu có số dư thì được làm tròn lên (tỷ lệ này không tính cho các trường hợp công chức, viên chức được xét đặc cách của đơn vị).

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 của Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và các tiêu chuẩn sau:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.

2. Một số thành tích được tính là sáng kiến áp dụng khi xét, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ:

a) Tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

b) Giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 sinh viên đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

c) Tham gia biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu;

d) Giảng viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi do cấp tỉnh, Bộ tổ chức.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

2. Có ít nhất 01 sáng kiến, cải tiến, giải pháp mới hoặc áp dụng công nghệ mới nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả được phổ biến và áp dụng rộng rãi trong ngành thuộc tỉnh trở lên, được Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, cải tiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng xét duyệt đề tài khoa học (Sở Khoa học Công nghệ) quyết định công nhận (hoặc là có chương trình, đề án được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành đã thực hiện có hiệu quả).

Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh giúp UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo từng chuyên ngành (trừ các đề tài đã được Hội đồng khoa học cấp tỉnh xét duyệt công nhận”.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục

đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương lần thứ hai.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và các tiêu chuẩn sau:

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Công đoàn được xếp loại khá trở lên; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có) được xếp loại khá trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cấp Bộ, cấp Tỉnh

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và Điều 17 Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC:

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Đồng Tháp xét tặng cho nhà trường, các đơn vị trực thuộc trường và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các “Tập thể lao động tiên tiến” đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; Công đoàn đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có) được xếp loại vững mạnh.

Điều 16. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp Tỉnh”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 18 Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC:

1. Tiêu chuẩn

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của Tỉnh;
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Tỉnh học tập;
- c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng

- a) “Cờ thi đua cấp Tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc được bình xét, đánh giá theo các khối, cụm thi đua;
- b) Các phong trào thi đua chuyên đề, đặc thù của đơn vị khi tổng kết từ 05 năm trở lên được đánh giá hiệu quả, mang lại lợi ích cho xã hội, cộng đồng sẽ được xem xét, đề xuất UBND Tỉnh tặng Cờ thi đua. Sau khi xây dựng kế hoạch, tiêu chí thi đua cụ thể, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tỉnh tổng hợp, theo dõi.

Điều 17. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT:

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng hàng năm cho nhà trường, các đơn vị trực thuộc trường và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm học; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;
- c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Việc tặng Cờ thi đua của Bộ cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc được thực hiện thông qua đánh giá, bình xét, suy tôn trong khối, vùng thi đua. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cụ thể số lượng Cờ tặng cho đơn vị trong khối, vùng thi đua.

3. Kết thúc năm học, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng lựa chọn, bình xét, giới thiệu 02 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong số các khoa, phòng, ban và tương đương đề nghị Bộ xét tặng Cờ thi đua.

Điều 18. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV:

1. Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

4. Tập thể được xét, tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” được lựa chọn trong số các tập thể được xét tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các hình thức khen thưởng

1. Giấy khen;
2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp;
3. Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”;
5. Huân chương, Huy chương Hữu nghị, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 20. Giấy khen

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các quy định sau:

Giấy khen là hình thức khen thưởng thường xuyên đối với tập thể, cá nhân vào dịp tổng kết công tác hàng năm hoặc khen theo chuyên đề, khen đột xuất.

1. Tiêu chuẩn khen thưởng thường xuyên đối với tập thể:
 - a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
2. Tiêu chuẩn khen thưởng thường xuyên đối với cá nhân:
 - a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình, hoặc có thành tích đột xuất và do Hiệu trưởng trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng giấy khen.

Điều 21. Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và các quy định sau:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích cho đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đơn vị có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận là “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Cá nhân có 02 năm liên tục được Hiệu trưởng đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Khen thưởng chuyên đề cho đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua hoặc chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng phát động, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động;

b) Cá nhân có thành tích xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc đoạt giải nhất, Huy chương Vàng tại các cuộc thi cấp quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba, hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các cuộc thi quốc tế.

3. Khen thưởng đột xuất cho các đơn vị, cá nhân khi đạt được thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân và của nhà nước. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

4. Khen thưởng đối ngoại cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

5. Cá nhân thuộc nhà trường quản lý, trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và 05 năm trước đó chưa được tặng Bằng khen Bộ trưởng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen.

6. Đơn vị, cá nhân được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen vào dịp kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị (năm tròn, năm lẻ 05). Tiêu chuẩn và số lượng quy định như sau:

a) Đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên được đề nghị không quá 05 đơn vị/năm;

b) Cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển đơn vị; số lượng đề nghị không quá 10 cá nhân/đơn vị, trong đó có ít nhất 03 giáo viên, giảng viên, người lao động.

7. Các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 22. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC:

1. Tập thể, cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

2. Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh (khen đối ngoại).

Đối với tập thể là doanh nghiệp: có mức đóng góp gấp đôi mức đóng góp của cá nhân, hộ gia đình thì được tặng Bằng khen của UBND Tỉnh.

3. Đơn vị được bình bầu, suy tôn trong khối, cụm thi đua của Tỉnh.

4. Tập thể và cá nhân đủ điều kiện tiêu chuẩn quy định tại Điều 24, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP:

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 như sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

- 2 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; mức đóng góp từ trên 50 đến dưới 500 triệu đồng.

5. Tỷ lệ khen thưởng:

a) Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: khen thưởng không quá 10 tập thể; 20 cá nhân;

b) Những chuyên đề dưới 05 năm: khen không quá 05 tập thể và 10 cá nhân;

c) Đối với các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức (như đại hội, lễ hội, hội thi, khai hội, hội theo, diễn đàn...); Kỷ niệm ngày truyền thống đơn vị từ 10 năm, 20 năm, 30 năm,...; các kỳ đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: số lượng đề nghị UBND Tỉnh khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

Cá nhân được đề nghị khen thưởng nhân kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị phải có nhiều đóng góp tại đơn vị từ 2/3 thời gian trở lên và không vi phạm, bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

Cá nhân đề nghị khen thưởng trong các kỳ đại hội, kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ trước, không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

d) Đối với phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị tổ chức trong nội bộ ngành: số lượng bằng khen đề nghị cụ thể do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

Điều 23. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005-BGD&ĐT ngày 29/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”; Quyết định 27/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và Thông tư 35/2015/TT-BGDĐT:

1. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

a) Kỷ niệm chương xét tặng cho cán bộ, công chức, nhà giáo, công nhân viên đang công tác trong ngành giáo dục, bao gồm:

- Cán bộ, công chức, nhà giáo, công nhân viên đang công tác trong các đại học, trường học, học viện, viện, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, tại các cơ quan quản lý chỉ đạo, nghiên cứu giáo dục và các đơn vị trực tiếp phục vụ thuộc ngành giáo dục;

- Cán bộ, công chức, nhà giáo, công nhân viên công tác trong các đại học, trường học, học viện, viện, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, tại các cơ quan quản lý chỉ đạo, nghiên cứu giáo dục và các đơn vị trực tiếp phục vụ thuộc ngành giáo dục đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc theo chế độ nhà nước quy định;

- Cán bộ, công chức, nhà giáo, công nhân viên công tác trong các đại học, trường học, học viện, viện, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, tại các cơ quan quản lý chỉ đạo, nghiên cứu giáo dục và các đơn vị trực tiếp phục vụ thuộc ngành giáo dục, nhưng đã chuyển công tác sang ngành khác.

b) Cá nhân ngoài ngành giáo dục có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo;

c) Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo của Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương

a) Cá nhân phải có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 25 năm trở lên đối với nam và đủ 20 năm trở lên đối với nữ, hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn thời gian quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này là 05 năm;

c) Cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này nhưng bị kỷ luật từ hình thức khiển trách đến dưới hình thức kỷ luật buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

Điều 24. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 25 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

4. Đơn vị, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất và công trình, sáng kiến đặc biệt xuất sắc được xem xét, đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, cụ thể như sau:

a) Thành tích xuất sắc đột xuất là một trong các thành tích sau: Mưu trí, dũng cảm cứu người, tài sản của Nhà nước và của nhân dân; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh hoặc có thành tích đột xuất khác có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc, khu vực, tỉnh, thành phố, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ nơi xảy ra vụ việc.

b) Phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cụ thể như sau: Phát minh, sáng chế hoặc chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp tỉnh, Bộ được nghiệm thu đạt loại xuất sắc, đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao hoặc góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề về lý luận, thực tiễn của đất nước, của ngành, lĩnh vực, địa phương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về ngành, lĩnh vực đó thẩm định, xác nhận;

c) Nhà giáo có thành tích đặc biệt xuất sắc trong giảng dạy, bồi dưỡng học sinh, sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc tế;

d) Có nghĩa cử cao đẹp, dũng cảm đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội có tác dụng nêu gương trong toàn quốc được xã hội ghi nhận và tôn vinh.

Điều 25. “Huân chương Lao động” hạng nhất

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT:

1. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

3. Đơn vị, cá nhân lập được thành tích quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Quy định này được xem xét, đề nghị tặng “Huân chương Lao động” hạng ba.

Điều 26. “Huân chương Lao động” hạng nhì

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT:

1. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong bộ, ngành, địa phương hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc, tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong thời gian đó có 03

sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

3. Đơn vị, cá nhân lập được thành tích quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Quy định này được xem xét, đề nghị tặng “Huân chương Lao động” hạng nhì.

Điều 27. “Huân chương Lao động” hạng ba

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT:

1. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 28. “Huân chương Độc lập” hạng nhất

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP:

1. “Huân chương Độc lập” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác được Nhà nước công nhận.

2. “Huân chương Độc lập” hạng nhất để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng nhì, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 29. “Huân chương Độc lập” hạng nhì

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP:

1. “Huân chương Độc lập” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

2. “Huân chương Độc lập” hạng nhì để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng ba, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 30. “Huân chương Độc lập” hạng ba

Thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP:

1. “Huân chương Độc lập” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

2. “Huân chương Độc lập” hạng ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhất, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

Điều 31. Các trường hợp khen thưởng khác

Việc xét khen thưởng tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhà trường hoặc những trường hợp ngoại lệ khác do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường xem xét, quyết định.

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 32. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT và Điều 25 Quyết định số 291/QĐ-UBND.HC

1. Cấp Nhà nước

a) Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước;

b) Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”;

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định

a) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động;

b) Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” cho cá nhân quy định tại Điều 11 và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho đơn vị quy định tại Điều 15 của Quy định này;

d) Tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh”.

4. Hiệu trưởng được quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở” cho đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý. Việc tặng Giấy khen của Hiệu trưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 33. Quy trình xét khen thưởng

1. Đối với các đơn vị trực thuộc

a) Các đơn vị trực thuộc tổ chức họp xét chọn, bình bầu các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác (Đối chiếu với các tiêu chuẩn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này). Đối tượng đủ tiêu chuẩn trình khen phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến. Số người tham gia cuộc họp bình xét phải đạt từ 80% tổng số công chức, viên chức, người lao động trong tập thể;

b) Lập biên bản kết quả bình xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường xét trình Hiệu trưởng quyết định khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường

a) Trên cơ sở kết quả bình xét của các đơn vị trực thuộc, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trường họp xét tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua, hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng (lập biên bản kết quả bình xét);

b) Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng phải được 70% số phiếu đồng ý trở lên của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành đối với các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng. Cuộc họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải có mặt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng;

c) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu);

d) Đối với bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Tỉnh: Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng và trình UBND Tỉnh khen thưởng phải được 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Cuộc họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải có mặt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước trên phương tiện thông tin thuộc quyền quản lý và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.

4. Công chức, viên chức, người lao động có quyền đề nghị Hội đồng xem xét lại kết quả xét chọn, nếu những lý do đưa ra là xác đáng.

Điều 34. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định từ Điều 53 đến Điều 65 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2011/TT-BNV).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Nhà nước

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

b) Số lượng hồ sơ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiều hơn 01 bộ so với số lượng quy định tại Thông tư 02/2011/TT-BNV.

3. Hồ sơ đề nghị Bộ trưởng công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Số lượng hồ sơ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo là 01 bộ bản chính gồm:

- a) Tờ trình (kèm theo danh sách các tập thể và cá nhân được đề nghị);
- b) Biên bản họp bình xét kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
- c) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của tập thể, cá nhân;
- d) Bản chụp (không cần công chứng) văn bản công nhận sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp, đề tài nghiên cứu: cấp Bộ, cấp Tỉnh đối với cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” và “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

4. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND Tỉnh công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Số lượng hồ sơ gửi về ban Thi đua - Khen thưởng Tỉnh là 01 bộ bản chính gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng (kèm theo danh sách) của cấp trình UBND Tỉnh;
- b) Biên bản bình xét kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

5. Hồ sơ, thủ tục đơn giản đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất: Số lượng hồ sơ gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo là 01 bộ.

a) Tờ trình đề nghị của Thủ trưởng đơn vị;

b) Bản tóm tắt thành tích của đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

6. Biểu mẫu báo cáo thành tích tập thể, cá nhân theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ. Riêng đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh, báo cáo thành tích kèm theo bản báo cáo tóm tắt sáng kiến, cải tiến đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh.

7. Thời gian gửi hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, công nhận “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” và tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua – Khen thưởng) trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND Tỉnh”, công nhận “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh” và tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Tỉnh trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

c) Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua – Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

d) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: ngay sau khi đơn vị, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình Bộ trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Điều 35. Tổ chức trao tặng

Tổ chức trao tặng và đón nhận Danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương, Huy chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ

chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

Điều 36. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Việc lưu trữ hồ sơ khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 07/2014/TT-BNV: Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a) Chủ tịch: Hiệu trưởng;
 - b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; Chủ tịch Công đoàn Nhà trường;
 - c) Ủy viên: Ủy viên Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng lập kế hoạch, nội dung công tác và tổ chức các kỳ họp của Hội đồng, giải quyết các công việc nghiệp vụ thường xuyên và đột xuất của Hội đồng;
 - b) Các Phó Hiệu trưởng; đại diện cấp ủy Đảng; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Trưởng các bộ phận chuyên môn; Trưởng bộ phận thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng.
3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng
 - a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là quyết định;
 - b) Tổ chức, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức phong trào thi đua trong đơn vị;
 - c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua, công tác khen thưởng của đơn vị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn;
 - d) Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;
 - đ) Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, yêu nước đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, quyết định công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Điều 38. Hội đồng sáng kiến

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến.
2. Hội đồng có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng:
 - a) Xem xét, đánh giá công nhận sáng kiến;
 - b) Đánh giá, công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong đơn vị.

CHƯƠNG VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 39. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư số 71/2011/TT-BTC).

Điều 40. Nội dung chi và mức chi thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC:

1. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

- a) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, làm các kỷ niệm chương, khung bằng khen, giấy khen;
- b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;
- c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm; các hoạt động thi đua, khen thưởng khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng; một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

2. Mức chi

- a) Mức chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam;
- b) Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, làm các kỷ niệm chương, khung bằng khen, giấy khen theo hợp đồng với đơn vị sản xuất;
- c) Chi cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng; chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng, các cuộc họp của hội đồng thi đua thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ

Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

CHƯƠNG VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 41. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.
2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.
3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 42. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.
3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 43. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 80 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể được khen thưởng:
 - a) Vi phạm các khoản 3 và 4 Điều 14 của Luật Thi đua, khen thưởng;
 - b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
 - c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
 - d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.
2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
- b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Điều 44. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với người và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Hành vi vi phạm của người hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

- a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;
- b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;
- c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;
- đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này là tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

- a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;
- b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

- a) Hành vi vi phạm Điều 14 Luật Thi đua, Khen thưởng;
- b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;
- c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

- a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;
- b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 46. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định, số 42/2010/NĐ-CP:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Quy định này có hiệu lực theo Quyết định ban hành của Hiệu trưởng và thay thế Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp được ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-ĐHĐT ngày 25/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp và Quyết định số 390a/QĐ-ĐHĐT ngày 09/7/2015 về việc sửa đổi Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 48. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường đề nghị, Hiệu trưởng quyết định. / *W*



Nguyễn Văn Đệ